

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP ĐHĐCD THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

1. Quy chế làm việc của ĐHĐCD thường niên năm 2020.
2. Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.
3. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
4. Báo cáo của HĐQT về giám sát và kết quả hoạt động quản lý sản xuất, kinh doanh năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.
5. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2019.
6. Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.
7. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020.
8. Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020.
9. Tờ trình của Ban kiểm soát về việc chọn công ty kiểm toán năm 2020.
10. Tờ trình phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư.
11. Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
12. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Thái.
13. Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT.
14. Tờ trình danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.
15. Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

QUY CHẾ LÀM VIỆC

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Ngày 26 tháng 4 năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái;
- Căn cứ Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái năm 2020 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHDCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ

đồng phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 06/4/2020 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- Đại biểu khi vào phòng Đại hội phải làm thủ tục đăng ký với BTC, ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do BTC quy định.
- Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội.
- Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép.
- Tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo khuyến cáo của Bộ y tế để hạn chế rủi ro lây nhiễm và đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp hiện nay.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông/không được nhận ủy quyền của cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Đoàn Chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

- Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
- Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
- a. Giúp Đoàn Chủ tọa kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
 - d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
 - e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
- Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:
- a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - b. Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết.
- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - a. Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - b. Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề biểu quyết tại Đại hội;
 - c. Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký Đại hội;
 - d. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm Thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
 - e. Thực hiện việc kiểm phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

- Nguyên tắc:
 - a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung và chuyển cho thư ký Đại hội.
 - c. Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa.
 - d. Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
- Giải đáp ý kiến của các đại biểu:
 - a. Trên cơ sở các câu hỏi của đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;
 - b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCD thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCD). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- c. Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:
- Biểu quyết bằng hình thức **giơ Thẻ biểu quyết**: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Thông qua Ban kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023; Thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - Biểu quyết bằng hình thức **điền vào Phiếu biểu quyết**: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát; Nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

- a. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát, ... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.
- b. Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- c. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
 - Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

- a. Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.
- b. Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 06/4/2020) tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty là: 5.000.000 cổ phần tương đương với 5.000.000 quyền biểu quyết.
- c. Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- a. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu Phiếu biểu quyết.
- b. Ban kiểm phiếu kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành và không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết hợp Đại hội đồng cổ đông: Biên bản, Nghị quyết hợp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp vi phạm Quy chế này thì tùy

theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa xem xét và có hình thức xử lý theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty đối với người vi phạm.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



MAI PHAN CẨM TÚ



Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 - 2023

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái;
- Căn cứ Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể như sau:

1. Giới thiệu danh sách đề cử vào HĐQT;
2. Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử bổ sung (nếu có).

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 02 người
2. Nhiệm kỳ: 2018-2023
3. Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên Hội đồng quản trị (Theo khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp):

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

IV. Nguyên tắc bầu cử

1. Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Ban kiểm phiếu do chủ tọa đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị.

V. Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị (theo khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng (tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ) có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT.

2. Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

VIII. Hồ sơ tham gia đề cử để bầu cử bổ sung vào HĐQT

1. Hồ sơ đề cử bổ sung vào HĐQT:

- Giấy đề nghị đề cử/ứng cử bổ sung vào HĐQT (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu);

- Bản sao chứng thực/ công chứng các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú;

- Các bằng cấp, chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;

- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định (theo mẫu);

- Người đề cử bổ sung vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

(Biểu mẫu được đăng tải trên website: www.vietthaicable.com.vn)

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử:

Nhằm tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước **15h00 ngày 24/04/2020**.

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái

Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Người liên hệ: Anh Phan Lê Thanh Quang và Chị Hồ Thị Hoa

Điện thoại: (0251) 3836 158

Trong trường hợp các ứng viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử nêu trên cho Thư ký Đại hội ít nhất 30 phút trước khi tiến hành bầu cử.

IX. Danh sách ứng cử viên

1. Dựa vào Hồ sơ đề cử bổ sung của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu HĐQT.

2. Danh sách ứng cử viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

X. Phương thức bầu cử

1. Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (*Theo Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp*)

2. Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT.

3. Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

XI. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử:

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.

- Mỗi đại biểu sẽ được phát 01 phiếu bầu Hội đồng quản trị. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử:

Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử.
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" của các ứng viên tương ứng.

- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở “ô số phiếu bầu”.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử:

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- Các phiếu bầu không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.
- + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì.
- + Gạch tên các ứng cử viên.
- + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra;
- + Phiếu không có dấu treo của Công ty;
- + Phiếu bầu đã tẩy xoá, cạo sửa hoặc được viết thêm nội dung khác;
- + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
- + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- + Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Trong trường hợp có sự sai sót nội dung phiếu bầu cử, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu đề nghị cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát.

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp):

- Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

XII. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái thông qua và hết hiệu lực khi cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.

Trên đây là toàn bộ nội dung Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.



MAI PHAN CẨM TÚ



Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Thời gian	Nội dung
07:30 – 09:00	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu- Đăng ký tham dự Đại hội, phát phiếu biểu quyết, bầu cử và tài liệu
09:00 – 09:30	<ul style="list-style-type: none">- Khai mạc Đại hội- Báo cáo Kiểm tra tư cách đại biểu- Giới thiệu Chủ tọa, Thư ký Đại hội- Thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu- Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023.
09:30 – 10:20	<p>Các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của HĐQT về giám sát và kết quả hoạt động quản lý sản xuất, kinh doanh năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát- Tờ trình báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán- Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020- Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị, Thư ký HĐQT và Ban kiểm soát năm 2020- Tờ trình của Ban kiểm soát về việc chọn Công ty kiểm toán năm 2020- Tờ trình về phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư- Tờ trình về Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty- Tờ trình về sửa đổi Điều lệ công ty- Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT- Tờ trình Danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
10:20 – 10:40	<ul style="list-style-type: none">- Đại hội thảo luận và biểu quyết- Hướng dẫn biểu quyết- Đại hội tiến hành biểu quyết
10:40 – 10:45	<ul style="list-style-type: none">- Công bố kết quả kiểm phiếu Biểu quyết
10:45 – 11:00	<ul style="list-style-type: none">- Đại hội Bầu cử- Hướng dẫn bầu cử- Đại hội tiến hành bầu cử

Thời gian	Nội dung
11:00 – 11:15	- Nghỉ giải lao
11:15 – 11:25	- Công bố kết quả kiểm phiếu Bầu cử
11:25 – 11:45	- Thông qua Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ
11:45	- Tuyên bố bế mạc Đại hội



MAI PHAN CẨM TÚ



Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2018-2023

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 26/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái.

Thay mặt HĐQT Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái, tôi xin trình bày Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty trong năm 2019 như sau:

I. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH NĂM 2019:

1. Về công tác tổ chức, quản lý nhân sự:

- Hội đồng Quản trị thực hiện đúng các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

- Nhân sự Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên:

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| 1. Bà Mai Phan Cẩm Tú | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Lương Hữu Văn | - Thành viên HĐQT |
| 3 Ông Phan Hoàng Tuấn | - Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Nguyễn Đức Tường | - Thành viên HĐQT |
| 5. Bà Phạm Thị Trúc Linh | - Thành viên HĐQT |

- Ban điều hành Công ty gồm 03 thành viên:

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| 1. Ông Trần Trí Việt | - Tổng giám đốc (*) |
| 2. Ông Vương Thanh Tùng | - Phó Tổng giám đốc |
| 3. Bà Vũ Thị Xuân The | - Kế toán trưởng |

(*) Ông Nguyễn Thế Anh - Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/08/2019). Bà Mai Phan Cẩm Tú - Quyền Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 09/09/2019)

2. Về công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý tài chính:

- Công tác chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ Ban điều hành trong hoạt động sản xuất - kinh doanh được thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả kinh doanh, chỉ tiêu phát triển Quý, kịp thời phát hiện và có hành động khắc phục đối với những sự cố không mong muốn xảy ra.

- Ban điều hành đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và chỉ đạo công ty hoạt động hiệu quả theo định hướng chiến lược đã đề ra.

- Đầu năm 2019, công ty đã sửa chữa văn phòng mới và sửa chữa, nới rộng diện tích đất nhà xưởng, tân trang và đầu tư thêm một số máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty đã thực hiện sửa đổi Điều lệ hoạt động và Quy chế quản trị nội bộ theo đúng quy định của pháp luật để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

3. Về quan hệ cổ đông, ban kiểm soát và chia cổ tức:

- Công ty công bố thông tin kịp thời và chính xác cho các cổ đông theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Hội đồng quản trị đã kết hợp với Ban kiểm soát để kiểm tra, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị có sự tham dự của các thành viên Ban kiểm soát. Thông qua đó, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có cơ hội trao đổi, tiếp nhận những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của Ban kiểm soát. Các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát đều được ghi nhận và là cơ sở để thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Trong đó Ban kiểm soát đã thẩm định về tình hình kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2019, Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

- Hội đồng quản trị trả lời chất vấn của Ban kiểm soát trên nguyên tắc đầy đủ và minh bạch. Các kiến nghị của Ban kiểm soát đều được Hội đồng quản trị ghi nhận và chấp hành.

- Riêng năm 2019, công ty không chi trả cổ tức vì công ty đang tái cơ cấu tổ chức sản xuất, đầu tư máy móc và xây dựng mô hình hoạt động.

4. Thủ lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019:

- Thủ lao Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 là: 277.500.000 đồng.

5. Kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị:

- Các thành viên Hội đồng quản trị theo sự phân công trong từng lĩnh vực đều hoàn thành nhiệm vụ. Các thành viên đã chủ động lên kế hoạch làm việc, ban hành các quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý vốn, tài sản, quy chế trả lương, trả thưởng. Hội đồng quản trị giám sát, đôn đốc Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ngoài ra, các thành viên Hội đồng quản trị luôn chủ động trao đổi, thảo luận để kịp thời đưa ra các giải pháp cho mọi hoạt động.

- Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được các thành viên thống nhất, triển khai thực hiện đồng bộ trên cơ sở vì lợi ích của Cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

- Hội đồng quản trị vẫn còn có nhiều thiếu sót trong thủ tục và trình tự vì thời gian khá gấp rút và phải giải quyết công việc nhanh chóng để nhằm mục đích mang lại hiệu quả hoạt động Công ty.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019:

1. Nội dung các phiên họp của HĐQT:

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp 08 phiên với sự có mặt của đầy đủ các thành viên Hội đồng quản trị, nội dung tổng kết các cuộc họp như sau:

STT	NGÀY	NỘI DUNG THÔNG QUA
1	22/03/2019	Thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCD thường niên năm 2019 - Thống nhất nhóm cổ đông lớn bổ sung 3 thành viên HĐQT Nhiệm kỳ 2018 -2023
2	27/03/2019	Phiên họp số 11/2019: - Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2018 -2023
3	01/04/2019	Phiên họp số 11/2019 bis: - Cài tạo Văn phòng, nhà xưởng
4	13/06/2019	Phiên họp số 12/2019: - Chọn công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C
5	27/07/2019	Phiên họp số 13/2019: - Miễn nhiệm Tổng giám đốc - Bầu Quyền Tổng giám đốc
6	22/08/2019	Phiên họp số 14/2019: - Định hướng cho Tổng giám đốc mới - Mọi số nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT
7	03/09/2019	Phiên họp số 14/2019 bis: - Quyết toán cài tạo văn phòng, nhà xưởng
8	09/09/2019	Phiên họp số 15/2019: - Miễn nhiệm Quyền Tổng giám đốc - Bổ nhiệm Tổng giám đốc - Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc

9	04/10/2019	Phiên họp số 16/2019: - Bổ nhiệm kế toán trưởng
---	------------	--

2. Đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác:

- Ban điều hành đã chấp hành đầy đủ các chủ trương, chính sách và Nghị quyết của HĐQT chỉ đạo thực hiện trong năm 2019.

- HĐQT luôn đôn đốc, thúc đẩy Ban điều hành trong công tác điều hành sản xuất, đảm bảo hàng hóa đáp ứng đầy đủ cho thị trường. Kế hoạch sản xuất luôn đồng bộ và theo sát với kế hoạch kinh doanh. Tuy nhiên, năm 2019 là một năm khá khó khăn của Việt Thái khi phải thay đổi Ban điều hành đến 2 lần, dẫn đến nhiều hoạt động của Công ty chưa được thực hiện như dự kiến. Ban điều hành luôn cố gắng làm những gì tốt nhất cho Cán bộ công nhân viên công ty, cho hình ảnh của Việt Thái và luôn bảo vệ quyền lợi cổ đông.

- Công tác tài chính được kiểm soát liên tục, cung cấp đầy đủ và kịp thời báo cáo theo quy định của Luật kế toán và Luật chứng khoán, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo điều hành và quản trị nội bộ. Tuy nhiên, Công ty chưa chủ động khai thác nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho sản xuất kinh doanh dẫn đến số vốn vay ngân hàng ngày càng tăng và chi phí chi trả cho lãi vay khá cao.

- Công tác quản lý, kiểm soát bắt đầu tốt và khá chặt chẽ; cán bộ công nhân viên công ty luôn cố gắng phát huy hết được năng lực chuyên môn của mình. Ban điều hành luôn cố gắng tạo động lực để mọi người cống hiến cho sự phát triển chung của Công ty.

- Công tác môi trường: Công ty luôn tuân thủ các Quy định của Nhà nước về môi trường.

- Công tác an toàn bảo hộ lao động trong năm 2019 được quan tâm sâu sát, đảm bảo sản xuất an toàn tuyệt đối, không xảy ra tình huống xấu.

Kết luận: Công ty không đạt kết quả như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra về các chỉ tiêu doanh thu, nhưng vượt về chỉ tiêu lợi nhuận.

Kết quả như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2019		
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	Tr.đ	400.000	212.736	53.184
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	607	4.143	682.54
3	Cổ tức	%	0%	0(*)	

(*) Theo Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

- Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2019, sau khi nhận bàn giao năm 2018, lỗ lũy kế là 7.333 trđ. Được sự thống nhất của HĐQT, Ban điều hành đã cố gắng sắp xếp tinh gọn lại bộ máy, tiết kiệm tất cả chi phí và tập trung chủ yếu cho công tác bán hàng, hàng hóa bắt đầu bán ra và được khách

hàng biết đến Việt Thái nhiều hơn. Kết quả 6 tháng đầu năm 2019, phần lãi đã bù được tương đối phần lỗ lũy kế của năm 2018.

- Giai đoạn 6 tháng cuối năm 2019, do khuyết vị trí Tổng giám đốc trong gần hơn 1.5 tháng, tình hình bán hàng và hoạt động công ty bị chậm lại, thời tiết mùa mưa không ủng hộ cho việc bán hàng. Ban điều hành mới bắt đầu nhận nhiệm vụ từ ngày 09/09/2019, trong thời gian này, Ban điều hành phải sắp xếp lại cơ cấu tổ chức nhân sự, xây dựng lại quy chế cũng như hệ thống khách hàng. Vòng quay tài chính của Việt Thái cũng gặp rất nhiều khó khăn, phải liên tục đáo hạn và trả nợ ngân hàng. Phải di dời và sửa chữa một số máy móc thiết bị sản xuất để có thể sử dụng được tối đa công suất và đáp ứng được các đơn hàng, tiếp Chi cục thuế Đồng Nai, một số chi phí vận chuyển và đầu tư đi thị trường. Doanh thu kênh phân phối vẫn tăng nhưng chưa được nhiều, các đơn hàng gia công và bán nhóm cũng ít lại, dẫn đến doanh thu chưa bù lại được chi phí bỏ ra, từ đó dẫn đến lũy kế lỗ hai quý liên tiếp.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2018-2023:

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã nỗ lực chỉ đạo Ban điều hành trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên không đạt được kế hoạch đề ra do các nguyên nhân sau:

- Thị trường dây điện cạnh tranh ngày càng khốc liệt.
- Các đối thủ cạnh tranh đã đầu tư lò nhôm nên sản lượng và giá gia công nhôm 9.5mm giảm nhiều.
- Chủ trương di dời Khu công nghiệp Biên Hòa I của UBND Tỉnh Đồng Nai đã ảnh hưởng rất nhiều đến công tác đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.

❖ Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

1. Doanh số thực hiện : 235.000.000.000 đồng
2. Lợi nhuận trước thuế : 4.500.000.000 đồng
3. Cổ tức : 0 %/mệnh giá.

❖ Để đạt được các chỉ tiêu này, cần phải thực hiện những việc sau:

- Về kinh doanh sản phẩm: tập trung vào sản phẩm dây điện dân dụng, tăng cường công tác thị trường, các gói thầu điện lực.
- Công tác đầu tư: đầu tư một số thiết bị, máy móc phục vụ cho việc sản xuất, hoạt động kinh doanh.
- Công tác tài chính: đề xuất tăng vốn điều lệ để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

IV. LỜI CẢM ƠN CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2018-2023:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 lần này sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn đến tất cả Quý khách hàng, đối tác đã tin tưởng, hợp tác cùng Công ty, xin gửi lời cảm ơn toàn thể các CBCNV Công ty đã không ngừng nỗ lực để góp phần vào sự phát triển của Công ty.

Chúng tôi mong muốn rằng Quý cổ đông tiếp tục đồng hành và ủng hộ Hội đồng quản trị nhiệm kỳ tới để đưa Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái ngày càng phát triển ổn định và bền vững.

Kính chúc Quý vị đại biểu, Quý vị Cổ đông, đại diện Cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

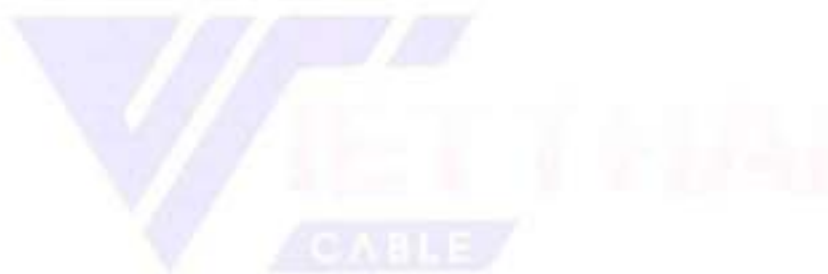
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

PM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

MAI PHAN CẨM TÚ





TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái.

- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 27/03/2019 của Công ty.

- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái đã được kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

- Căn cứ kết quả theo dõi, kiểm soát tình hình điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái (sau đây gọi tắt là Công ty) năm 2019.

Ban Kiểm soát xin báo cáo với Đại Hội đồng cổ đông về tình hình thực hiện công tác kiểm soát Công ty từ tháng 4/2019 đến hết tháng 3/2020 như sau:

I. TÌNH HÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 CỦA CÔNG TY

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 đạt được như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019
Doanh thu thuần	349.207.817.914	400.000	212.488.448.165
Lợi nhuận sau thuế	(7.333.745.329)	607	4.143.871.312
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	(1.467)		
Cổ tức (%)	0%	0%	0%

(Chi tiết xin xem trong báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty)

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng VN

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	Tỷ trọng	31/12/2019	Tỷ trọng
I	Tổng tài sản	105.198.054.195		122.671.532.672	
1	Tài sản ngắn hạn	76.236.392.785	72,5%	89.394.598.691	72,9%
	<i>Trong đó nợ phải thu</i>	24.439.047.654		42.923.271.172	
2	Tài sản dài hạn	28.961.661.410	25,5%	32.276.933.981	27,1%
II	Tổng nguồn vốn	105.198.054.195		122.671.532.672	
1	Nợ phải trả	30.434.758.108	28,9%	43.768.046.485	35,7%
2	Vốn chủ sở hữu	74.763.296.087	71,1%	78.903.486.187	64,3%
	<i>Trong đó LN chưa phân phối</i>	(4.264.434.590)		(124.244.490)	

Kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2019 có lãi do đó đã bù đắp gần hết số lỗ lũy kế của năm 2018. Công ty đã thực hiện vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

Ban kiểm soát có ý kiến về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán như sau:

1. Trong năm 2019, Công ty đã đầu tư làm mới nhà văn phòng với giá trị 2.606.888.974 đồng. Công ty đã hạch toán phân bổ chi phí quản lý trong 24 tháng.

Quan điểm của Ban kiểm soát là chi phí này phải được hạch toán tăng tài sản cố định và khấu hao ít nhất 6 năm theo quy định của Bộ Tài chính tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

Nếu hạch toán đúng, lợi nhuận năm 2019 sẽ tăng hơn báo cáo.

2. Số dư Nợ phải thu của khách hàng thời điểm cuối năm là 38.232.608.510 đồng, trong đó có 4 khách hàng nợ quá hạn trên 1 năm đến trên 2 năm với số tiền 625.568.066 đồng.

Công ty đã không tính và trích lập dự phòng phải thu khó đòi như quy định tại thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính.

Nếu Công ty có trích lập dự phòng thì lợi nhuận năm 2019 sẽ giảm.

Xét thấy hiệu số mục (1) trừ mục (2) trên đây là một số không trọng yếu, nên Ban kiểm soát chấp nhận Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và lưu ý Ban điều hành công ty khắc phục các nghiệp vụ này trong năm 2020.

3. Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 2.395.489.001 đồng. Khi tham chiếu đến bảng tính giá trị trích lập thì Ban kiểm soát phát hiện hai sai sót như sau:

- Nhiều mã hàng quy cách to nhỏ khác xa nhau về giá vốn, đơn vị tính là mét nhưng Công ty đã lấy cùng một đơn giá như nhau.

- Đơn giá có thể thực hiện được là giá bán phế liệu, Công ty đã lấy giá này lập dự phòng cho toàn bộ số lượng tồn kho (bao gồm cả chính phẩm và hàng cần thanh lý) cho mã hàng đó.

Sai sót này làm giảm lợi nhuận 2019 và có thể dẫn tới rủi ro về Thuế Thu nhập doanh nghiệp. Ban kiểm soát yêu cầu Ban điều hành lưu ý nghiệp vụ này trong kỳ kế toán tiếp theo.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT)

Hội đồng quản trị đã tổ chức Các cuộc họp định kỳ và bất thường theo đúng quy định của Điều lệ công ty.

Trong năm 2019, trong một số hoạt động của Công ty, HDQT thiếu văn bản quản lý liên quan, ví dụ, trong quý 2/2019 Công ty đã cải tạo Văn phòng Công ty giá trị 2.606.888.974 đồng và Sửa chữa lớn nhà xưởng giá trị 2.036.072.780 đồng.

Tại thời điểm công trình đã đi vào sử dụng ổn định, Ban kiểm soát vẫn không thấy các Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt thực hiện dự án và Nghị quyết phê duyệt nghiệm thu giá trị thực hiện tương ứng.

2. Giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

2.1 Trong năm 2019, Công ty có thay đổi nhân sự Ban điều hành gồm Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng từ đầu tháng 9/2019.

Sáu tháng đầu năm 2019 Công ty lãi trước thuế là 7.493.164.103 đồng,

Quyết toán quý 3/2019 Công ty lỗ 2.409.698.929 đồng

Quyết toán quý 4/2019 Công ty lỗ 939.593.862 đồng, dẫn tới lãi lũy kế năm 2019 chỉ còn 4.143.871.312 đồng.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông sự phân tích nguyên nhân lãi lỗ của từng giai đoạn ứng với trách nhiệm cụ thể của từng Ban điều hành trong năm 2019.

2.2 Có công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, nhưng Tổng giám đốc đã thực hiện trước, hai tháng sau Hội đồng quản trị mới phê duyệt như sau:



Ngày 07/3/2020, HĐQT thông qua tờ trình số 025/TTTr- TGD v/v thanh lý hàng tồn kho kém phẩm chất gồm 39 danh mục với giá trị tồn kho là 1.158.382.814 đ.

Thực tế là, ngày 16/01/2020 tại hóa đơn số 0001334, Công ty đã bán hết số hàng tồn kho kém phẩm chất này trong tháng 01/2020 với giá 17.400 đ/kg cáp nhôm bọc các loại, 36.000 đ/kg cáp đồng bọc các loại, giá trị thu hồi là 276.772.727 đồng. Giá vốn của 37 mã hàng căn cứ trên bảng kê kèm theo, là 1.141.225.952 đồng, tiền thu về bằng 24,25% giá vốn.

Như vậy đã HĐQT ra nghị quyết để hợp thức hoạt động trước đó của Ban điều hành, là không đúng quy định của Điều lệ Công ty về quyền hạn trách nhiệm của HĐQT và Tổng giám đốc..

BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cán bộ công nhân viên lao động Công ty về sai phạm của HĐQT, Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Tuy nhiên, Ban kiểm soát khuyến nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong quá trình hoạt động cần có sự phối hợp tốt hơn và cần bám sát Điều lệ Công ty hơn nữa.

3. Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 bầu ra với nhiệm kỳ 5 năm gồm 3 thành viên.

Trong thời gian từ 01/4/2019 đến 17/3/2020, Ban kiểm soát đã tổ chức 4 buổi làm việc tại Công ty để thực hiện chức trách kiểm soát.

- Phiên số 1 ngày 03/5/2019 kiểm soát hoạt động của Công ty quý 1/2019
- Phiên số 2 ngày 23/8/2019 để kiểm soát hoạt động của Công ty 6 tháng đầu năm.
- Phiên số 3 ngày 31/10/2019 để kiểm soát hoạt động của Công ty quý 3/2019.

- Phiên họp số 4 ngày 17/3/2020 để kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2019, căn cứ Báo cáo tài chính 2019 đã kiểm toán.

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, BKS đã được HĐQT, Ban điều hành của Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Không có áp lực, rào cản nào làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ được giao. Kết thúc các phiên làm việc, Ban Kiểm soát đã trình bày các ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban điều hành để hoạt động của Công ty đảm bảo sự phù hợp với các quy định của Điều lệ Công ty và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

Cuối cùng, chúng tôi cảm ơn sự tín nhiệm của Quý vị cổ đông, cảm ơn Ban quản lý điều hành đã tạo mọi điều kiện cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp. Xin trân trọng cảm ơn!

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



VÕ HỮU LUYỆN

Số: 380/2020/TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái.

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn A&C (đính kèm Báo cáo của Kiểm toán độc lập và Báo cáo tài chính tóm tắt).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để biết);
- Lưu: VT, HCNS.



MAI PHAN CẨM TÚ

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	ktv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lê Sĩ H (A4), Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	ktv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	ktv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0275/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Lương Anh Vũ - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1832-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2019

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

DVT: Đồng

Stt	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	89.394.598.691	76.236.392.785
1	Tiền và tương đương tiền	5.462.144.736	5.139.984.281
2	Đầu tư ngắn hạn	2.723.590.137	
3	Các khoản phải thu	42.923.271.172	24.439.047.654
4	Hàng tồn kho	36.961.403.920	45.512.380.180
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.324.188.726	1.144.980.670
II	Tài sản dài hạn	33.276.933.981	28.961.661.410
1	Tài sản cố định	28.947.530.767	27.742.052.124
	- TSCĐ hữu hình	28.947.530.767	27.742.052.124
	- TSCĐ thuê tài chính		
	- TSCĐ vô hình		
2	Bất động sản đầu tư		
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	25.120.000	
4	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		
5	Tài sản dài hạn khác	4.304.283.214	1.219.609.286
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	122.671.532.672	105.198.054.195
IV	Nợ phải trả	43.768.046.485	30.434.758.108
1	Nợ ngắn hạn	40.304.671.345	30.434.758.108

2	Nợ dài hạn	3.463.375.140	
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu	78.903.486.187	74.763.296.087
1	Nguồn vốn	61.375.755.510	57.235.565.410
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
	- Thặng dư cổ phần	11.500.000.000	11.500.000.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Lợi nhuận tích lũy		
	- Chênh lệch định giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỉ giá hối đoái		
	- Quỹ Dự trữ		
	- Lợi nhuận chưa phân phối	(124.244.490)	(4.264.434.590)
2	Quỹ	17.527.730.677	17.527.730.677
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	122.671.532.672	105.198.054.195

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	212.736.385.299	349.207.817.914
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	247.937.134	
3	Doanh thu thuần	212.488.448.165	349.207.817.914
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	195.444.653.332	347.092.929.021
5	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	17.043.794.833	2.114.888.893
6	Doanh thu hoạt động tài chính	10.992.252	17.862.242
7	Chi phí tài chính		

		1.363.563.379	904.087.461
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.413.367.051	8.580.409.003
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.277.856.655	(7.351.745.329)
10	Thu nhập khác	75.343	18.000.000
11	Chi phí khác	134.060.686	
12	Lợi nhuận khác	(133.985.343)	18.000.000
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.143.871.312	(7.333.745.329)
14	Thuế TNDN phải nộp	3.681.212	
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.140.190.100	(7.333.745.329)
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (nếu có)		
17	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (nếu có)		

1476
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 ĐIỆN
 VIỆT
 THÁI
 ĐỒNG NAI

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	27,13	27,53
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	72,87	72,47
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	35,68	28,93
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	64,32	71,07
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,27	0,97
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,22	2,50
4	Tỷ suất lợi nhuận			

CÔNG TY CP DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI
VIET THAI ELECTRIC CABLE CORPORATION

ĐC: KCN Biên Hòa 1, Đường số 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.
A: Bien Hoa 1 Industrial Zone, Road No. 1, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province
T: 0251 3836 204 - E: vietthai@vietthaicable.com.vn W: vietthaicable.com.vn



- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,38	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,95	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	5,25	



Tổng Giám đốc (Giám đốc)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Lợi Việt



Số: 379/2020/TT-HDQT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2019, Kế hoạch năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái;
- Căn cứ Quy chế tài chính của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung phân phối lợi nhuận năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

I. Phân phối lợi nhuận năm 2019

Trong năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi sau thuế là 4.140.190.100 đồng nhưng chưa bù đắp hết lỗ của năm 2018. Đến ngày 31/12/2019, lỗ lũy kế vẫn là 124.244.490 đồng. Do đó, Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ không trả cổ tức năm 2019.

II. Kế hoạch SXKD năm 2020

- | | | |
|-------------------------|---|----------------------|
| 1. Doanh số thực hiện | : | 235.000.000.000 đồng |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | : | 4.500.000.000 đồng |
| 3. Cổ tức | : | 0 %/mệnh giá. |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT (để biết);
- Lưu: VT, HCNS.



MAI PHAN CẨM TÚ

SỐ: 381/2020/TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, thư ký Hội đồng quản trị trong năm 2020 như sau:

STT	CHỨC DANH	MỨC THÙ LAO
1	Chủ tịch hội đồng quản trị	15.000.000 đ/tháng
2	Thành viên hội đồng quản trị	5.000.000 đ/ tháng
3	Trưởng ban kiểm soát	5.000.000 đ/tháng
4	Thành viên ban kiểm soát	2.000.000 đ/tháng
5	Thư kí hội đồng quản trị	2.000.000 đ/tháng

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để biết);
- Lưu: VT, HCNS.



MAI PHAN CẨM TÚ

Số:/2020/TT-BKS

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều 22 Nghị định 71/2017/NĐ-CP về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái.

Để công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 được thuận lợi. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một (01) trong ba (03) đơn vị kiểm toán phù hợp theo danh sách các công ty sau:

1. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Địa chỉ: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

2. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

3. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Hữu Luyện

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCNS.

Số: 385/2020/TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006;
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các thông tư hướng dẫn liên quan.
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái;
- Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái về vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư với nội dung như sau:

- | | |
|---|---|
| 1. Tên cổ phiếu | : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái |
| 2. Loại cổ phiếu | : Cổ phiếu phổ thông |
| 3. Mã chứng khoán | : VTH |
| 4. Mệnh giá cổ phiếu | : 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 5. Tổng số cổ phiếu đã đăng ký phát hành | : 5.000.000 cổ phiếu |
| 6. Số lượng cổ phiếu quỹ | : 0 cổ phiếu |
| 7. Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | : 5.000.000 cổ phiếu |

8. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 5.000.000 *cổ phiếu*
9. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa : 2.000.000 *cổ phiếu*
10. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá : 20.000.000.000 *đồng*

11. Sự thay đổi của vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ trước phát hành : 50.000.000.000 *đồng*;
- Số vốn điều lệ thay đổi : 20.000.000.000 *đồng*;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành : 70.000.000.000 *đồng*.

12. Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư.

13. Phương án phát hành cụ thể:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành riêng lẻ: 2.000.000 *cổ phiếu*.
- Giá chào bán: Không thấp hơn 10.000 *đồng/cổ phiếu* (Ủy quyền cho HĐQT xác định giá bán cụ thể).
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 20.000.000.000 *đồng*.
- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến theo mệnh giá: 20.000.000.000 *đồng*.
- Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký phát hành/tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 40%.
- Mục đích phát hành: Huy động nguồn vốn, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.

Tiêu chuẩn nhà đầu tư được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu riêng lẻ như sau:

- Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trong nước;
 - Có đủ năng lực tài chính;
 - Có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất hoặc phân phối dây cáp điện;
 - Có mong muốn gắn bó lâu dài và hỗ trợ cho sự phát triển của Công ty.
- Tên đối tượng phát hành:

STT	Họ và tên	Mã số Doanh nghiệp	SLCP đang sở hữu	SLCP phát hành thêm	SLCP sở hữu sau phát hành	Quan hệ với HĐQT/BKS /BDH
1	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng An Lạc Phát	0311944829	0	2.000.000	2.000.000	Không
Tổng cộng				2.000.000	2.000.000	-

- Nguyên tắc xác định giá: Ủy quyền cho HĐQT xây dựng nguyên tắc xác định giá chi tiết.
 - Hạn chế chuyển nhượng: Phần vốn góp thêm này của nhà đầu tư sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
 - Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và cổ phiếu không phân phối hết: Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến sẽ được DHDCTD Công ty ủy quyền cho HĐQT ra quyết định chào bán cho các đối tượng khác (tổ chức, cá nhân trong nước) sao cho giá chào bán cho các đối tượng này phải lớn hơn hoặc bằng mức giá đã được HĐQT xác định và chào bán cho các đối tượng phát hành trước đó.
- 14. Thời gian dự kiến phát hành:** Dự kiến thực hiện trong năm 2020, thời điểm cụ thể được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định, sau khi được UBCKNN chấp thuận.
- 15. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:** Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Kế hoạch sử dụng vốn chi tiết sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
- 16. Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức:** Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục có liên quan tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đưa cổ phiếu VTH vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 17. Ủy quyền Hội đồng quản trị:**
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Ủy quyền cho HĐQT công ty quyết định phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án phát hành theo đúng quy định của Pháp luật.
- Quyết định phương án xử lý đối với cổ phiếu phát hành không phân phối hết, số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có).
- ĐHCĐ Ủy quyền HĐQT điều chỉnh phương án (nếu có) nhằm đảm bảo việc phát hành được thực hiện đúng quy định pháp luật.
- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn lưu động chi tiết.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị: Người đại diện theo pháp luật của Công ty tiến hành thực hiện các thủ tục phát hành cần thiết tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đúng theo quy định.
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư.

Hội đồng Quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để biết);
- Lưu: VT, HCNS.



MAI PHAN CẨM TÚ

Số: 382/2020/TT-HDQT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (Nghị định số 71/2017/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP (Thông tư số 95/2017/TT-BTC);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái;
- Căn tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Kèm theo Tờ trình này Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT (để biết);
- Lưu: VT, HCNS.



MAI PHAN CẨM TÚ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày 26 tháng 04 năm 2020)

Đồng Nai, tháng 04 năm 2020

Mục lục

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	4
Điều 2. Bộ máy quản trị điều hành của công ty	4
Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty	4
Điều 4. Định nghĩa và các từ viết tắt	5
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỐ ĐỒNG	5
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông ..	5
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 8. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền	7
Điều 9. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu.....	8
Điều 10. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp.....	9
Điều 11. Áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại trong việc tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 14. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	10
Điều 15. Các vấn đề khác	13
CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 16. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	13
Điều 17. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 18. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 19. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	14
Điều 20. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	14
Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	14
Điều 22. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.....	18
Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 24. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	19
Điều 25. Thủ lao của Hội đồng quản trị.....	19
CHƯƠNG IV: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	20
Điều 26. Tiêu chuẩn kiểm soát viên.....	20
Điều 27. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	20
Điều 28. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	20

Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	21
CHƯƠNG V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIÊU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..	21
Điều 30. Thành lập và hoạt động của tiêu ban Hội đồng quản trị.....	21
CHƯƠNG VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ	21
Điều 31. Cơ cấu, thành phần và tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm toán nội bộ.....	21
Điều 32. Quyền và nhiệm vụ, trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ	22
Điều 33. Cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ.....	23
CHƯƠNG VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	24
Điều 34. Thành phần và thẩm quyền của Ban điều hành	24
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	25
Điều 36. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Ban điều hành.....	26
Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp.....	26
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	27
Điều 38. Nguyên tắc phối hợp	27
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành	27
Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban kiểm soát	27
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành	28
CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 42. Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	28
Điều 43. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.....	29
Điều 44. Khen thưởng.....	29
Điều 45. Xử lý vi phạm và kỷ luật	29
CHƯƠNG X: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	30
Điều 46. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	30
Điều 47. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	30
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	30
Điều 48. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	30
Điều 49. Hiệu lực.....	30

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái ("Công ty") được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014; Luật Chứng khoán năm 2006 sửa đổi bổ sung năm 2010; Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng; Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐCP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; Điều lệ Công ty và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.

Điều 2. Bộ máy quản trị điều hành của công ty

1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD):

ĐHĐCD là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị (HDQT):

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc (TGD) và Ban điều hành (BDH):

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, và với sự trợ giúp của Ban điều hành mà Tổng giám đốc là người đứng đầu, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở tuân thủ quyết định, nghị quyết của ĐHĐCD, HDQT và Chủ tịch HDQT.

4. Ban kiểm soát (BKS):

Ban kiểm soát thực hiện giám sát HDQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCD trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.

2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan.

3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.

4. Minh bạch trong hoạt động của công ty.

5. Hội đồng quản trị lãnh đạo công ty có hiệu quả.

6. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Định nghĩa và các từ viết tắt

1. Định nghĩa:

a. Ban Tổng giám đốc: Bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.

b. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được xác định theo quy định của pháp luật.

c. Người điều hành doanh nghiệp: là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Trưởng các bộ phận, phòng ban cấp Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

d. Điều lệ: là Điều lệ Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái

e. Các thuật ngữ khác chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật liên quan.

2. Các từ viết tắt:

a) Công ty: Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái

b) ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

c) BKS: Ban kiểm soát

d) HĐQT: Hội đồng quản trị

e) TGD: Tổng Giám Đốc

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử;
- d) Mẫu chi định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Trước ngày diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể xác nhận việc trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về công ty (theo mẫu gửi kèm thông báo mời họp) theo thời hạn và phương thức, địa chỉ gửi được nêu cụ thể tại thông báo mời họp.

2. Trước khi khai mạc cuộc họp, công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự.

a) Đối với cổ đông là cá nhân: Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho một cá nhân khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.

b) Đối với cổ đông là tổ chức: Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa cho số lượng người được quy định tại Điều lệ (trường hợp Điều lệ không quy định thì áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành). Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty được gửi kèm theo Thông báo mời họp và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và đóng dấu của tổ chức đó; chữ ký của cá nhân được ủy quyền;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Cách thức biểu quyết:

a) Đại biểu thực hiện việc biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết Tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Với hình thức này, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

2. Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Chủ tọa Đại hội là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các nội dung, sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

5. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

6. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Các chi phí phát sinh có liên quan đến việc thuê tổ chức thẩm định giá như nêu trên do cổ đông thanh toán.

3. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 11. Áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại trong việc tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty có thể áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham dự, phát biểu và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Tùy nhu cầu và tình hình cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại (như hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử

khác...) để cổ đông có thể tham dự, phát biểu và biểu quyết tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại như vậy phải được thông báo tới các cổ đông trước kỳ họp bằng cách đăng tải thông báo và hướng dẫn áp dụng trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa/chủ tọa đoàn và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ ngày ghi trên Nghị quyết theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 14. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông các vấn đề sau đây:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- h) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- l) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Phương án bầu cử (nếu có);
- g) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

c) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

4. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ, số phiếu biểu quyết/ bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;

e) Các vấn đề đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm

phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các vấn đề khác

Các vấn đề, nội dung khác liên quan đến việc triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, kinh doanh và sản xuất; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiểm điều hành và các thành viên không điều hành trong đó tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn lên.

Điều 17. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.

3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 18. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 19. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua một cách hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

i) Ban hành các quy chế nội bộ cần thiết khác ở các lĩnh vực: Tài chính, chi tiêu nội bộ, mua hàng, bán hàng, tổ chức nhân sự, tiền lương... để quản trị hiệu quả;

j) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

k) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

l) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

m) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

n) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

o) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

q) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty,

b) Thành lập các Công ty con của Công ty;

c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

Điều 20. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty

3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng quyền lợi của người liên quan đến Công ty.

4. Hội đồng quản trị xây dựng các quyết định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các quy chế nội bộ, cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định và Điều lệ công ty.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của HĐQT; chủ tọa ĐHĐCĐ thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về công việc của mình.

2. Chủ tịch HĐQT ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; việc ủy quyền cho các thành viên HĐQT khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập, chủ trì các cuộc họp HĐQT và phân công thành viên HĐQT chuẩn bị nội dung các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc, Ban kiểm soát hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo.

4. Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và thông qua cuộc họp HĐQT, ban hành có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT.

6. Đảm bảo việc trao đổi đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng với các thành viên Hội đồng quản trị

7. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, độc lập hoạt động một cách hiệu quả và thiết lập quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị.

8. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật khác,

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc tại Công ty ít nhất 1 lần/tuần.

Điều 22. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền

1. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì có thể ủy quyền bằng văn bản cho ủy viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Là người thay mặt Chủ tịch HĐQT thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt.

b. Ký các văn bản được Chủ tịch HĐQT ủy quyền.

c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch HĐQT phân công và ủy quyền.

d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của HĐQT thực hiện việc quản trị Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định tại Quy chế này.

2. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế của Công ty và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, vì lợi ích của Công ty.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính và có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Công ty, kiểm toán nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.

5. Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ công ty.

7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ công ty, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình.

8. Triển khai thực hiện các quyết định trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

9. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 24. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể tham gia biểu quyết khi:

a. Có mặt tại cuộc họp.

b. Tham dự bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác.

c. Vắng mặt nhưng phiếu biểu quyết đựng trong phong bì dán kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc, và phong bì đựng phiếu biểu quyết của thành viên đó được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Một thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Hội đồng quản trị cho một người khác nếu sự ủy quyền đó nhận được sự đồng ý của đa số thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị quyết định những vấn đề sau đây cần sự có mặt trực tiếp của các thành viên Hội đồng quản trị:

a. Phê chuẩn chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

b. Bầu chọn Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c. Bãi nhiệm Tổng giám đốc và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

d. Tái tổ chức hoặc giải thể công ty.

e. Tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu.

5. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

6. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 25. Thủ lao của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty thì thù lao được công bố bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

3. Các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

CHƯƠNG IV: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 26. Tiêu chuẩn kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liên trước đó.

Điều 27. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 28. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan để thực hiện chức trách và báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
- d) Trưởng Ban kiểm soát làm việc tại Công ty ít nhất 1 lần/tuần.

2. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp/lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu kiểm soát viên thì trong thông báo mời họp/tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản gửi cho cổ đông phải nêu rõ nội dung này đồng thời kèm theo các tài liệu hướng dẫn về cách thức gửi hồ sơ đề cử, ứng cử; quy định về thể lệ bầu cử để các cổ đông nắm được thông tin và thuận tiện thực hiện.

2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Thành lập và hoạt động của tiểu ban Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ban thường trực, các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về hội đồng tư vấn, chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ.

2. Văn phòng thường trực của Hội đồng quản trị và các tiểu ban làm việc tại trụ chính của công ty.

3. Việc thành lập các tiểu ban, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

4. Hội đồng quản trị ban hành quy định với các nội dung cụ thể về cơ cấu của Ban thường trực, các tiểu ban; tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban; trách nhiệm của tiểu ban và từng thành viên.

CHƯƠNG VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 31. Cơ cấu, thành phần và tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm toán nội bộ

1. Ban kiểm toán nội bộ bao gồm từ 02 đến 05 thành viên do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bao gồm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ và các thành viên của Ban kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm toán nội bộ Thành viên Ban kiểm toán nội bộ phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- a. Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ.
- b. Đã có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại Công ty đang công tác hoặc từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán.
- c. Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.
- d. Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật.
- e. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty.

Điều 32. Quyền và nhiệm vụ, trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ

1. Quyền hạn của Ban kiểm toán nội bộ:

- a. Tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán;
- b. Nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ;
- c. Tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty;
- d. Giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của bộ phận đối với các vấn đề mà Ban kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị;
- e. Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận được kiểm toán;
- f. Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong Ban kiểm toán nội bộ;
- g. Thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
- h. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và các quy định, quy chế nội bộ khác của Công ty.

2. Nhiệm vụ và trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ:

- a. Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ trình cấp có thẩm quyền của Công ty xem xét, phê duyệt;
- b. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt;
- c. Thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả;
- d. Kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- e. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ;

- f. Lập báo cáo kiểm toán;
- g. Thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định;
- h. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của Công ty;
- i. Tư vấn cho Công ty trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả;
- j. Trình bày ý kiến của kiểm toán nội bộ khi có yêu cầu để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định dự toán ngân sách, phân bổ và giao dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị;
- k. Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của Công ty nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả;
 - l. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao hoặc theo quy định của pháp luật;
- m. Bảo mật tài liệu, thông tin của Công ty, của bộ phận được kiểm toán theo quy định của pháp luật và của Công ty;
- n. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ;
- o. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận;
- p. Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
- q. Trưởng ban kiểm toán nội bộ làm việc tại Công ty ít nhất 1 lần/tuần.

Điều 33. Cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ

1. Ban kiểm toán nội bộ họp định kỳ mỗi quý một lần và cuộc họp định kỳ của Ban kiểm toán nội bộ diễn ra trước cuộc họp định kỳ quý của Hội đồng quản trị để thống nhất về các nội dung cần báo cáo Hội đồng quản trị.
2. Ngoài họp định kỳ, Ban kiểm toán nội bộ họp đột xuất theo yêu cầu của bất kỳ thành viên nào của Ban hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
3. Thành phần tối thiểu của một cuộc họp là 2/3 thành viên.
4. Các vấn đề tại cuộc họp được thông qua khi có đa số thành viên của Ban kiểm toán nội bộ tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của Trưởng Ban là ý kiến quyết định.
5. Cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ có thể có khách mời, tùy theo nhu cầu và nội dung cuộc họp. Các khách mời này có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.
6. Ngoài họp trực tiếp, Ban kiểm toán nội bộ có thể họp dưới các hình thức khác.

7. Các cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ phải được ghi nhận bằng biên bản và kết quả cuộc họp được chuyển đến các đơn vị, cá nhân có liên quan để thực hiện.

CHƯƠNG VII: LỰA CHỌN, BỐ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 34. Thành phần và thẩm quyền của Ban điều hành

1. Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc/Trưởng bộ phận/Giám đốc chi nhánh và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc công ty được quy định tại Điều lệ công ty.

3. Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;

c) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

4. Kế toán trưởng của Công ty phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

b) Chịu trách nhiệm về độ chính xác, tin cậy của các số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty; Quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp luật liên quan;

c) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;

d) Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán bậc trung cấp.

5. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định pháp luật, điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ do HĐQT ban hành trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

6. Phó Tổng giám đốc làm người giúp việc của Tổng giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công, ủy quyền.

7. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

8. Các vị trí điều hành khác thực hiện theo sự phân công, phân nhiệm, bảng mô tả công việc của công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các nghị quyết, quy chế của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

2. Quyết định các vấn đề theo thẩm quyền mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo các quy chế quản lý nội bộ Công ty do HĐQT ban hành;

3. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

4. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

5. Kiến nghị số lượng và người điều hành, quản lý doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

6. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định định biên số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

7. Trong thời hạn 30 ngày trước ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

8. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, giá thành và báo cáo lưu chuyển tiền tệ... dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

9. Tổng giám đốc và Ban điều hành tiến hành làm và gửi báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị trong thời hạn sau 7 ngày đối với báo cáo tháng, 15 ngày đối báo cáo quý, báo cáo 6 tháng của tháng, quý, 6 tháng tiếp theo.

10. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

Điều 36. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Ban điều hành

1. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc:

a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

b. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

c. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Ban điều hành (Giám đốc/Trưởng bộ phận/Giám đốc chi nhánh):

a) Tổng giám đốc được quyền đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt tuyển dụng, bổ nhiệm những người thuộc Ban điều hành (Giám đốc/Trưởng bộ phận/Giám đốc chi nhánh) khi cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thống lệ quản lý công ty tuý từng thời điểm. Những người điều hành này phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

b) Tổng giám đốc được quyền đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt miễn nhiệm Ban điều hành (Giám đốc/Trưởng bộ phận/Giám đốc chi nhánh) trong các trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Vi phạm nội quy, quy chế Công ty;
- Tư lợi cá nhân;
- Có đơn xin từ chức;
- Các trường hợp khác theo yêu cầu công việc.

c) Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm những người điều hành này thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 38. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành

1. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty, các dự báo (kể cả rủi ro) trong ngắn và dài hạn.

4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT để cử thành viên HĐQT tham dự.

Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.

2. HĐQT tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.

3. Chủ tịch HĐQT mời Kiểm soát viên tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

4. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo HĐQT những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới Hội đồng quản trị.

5. Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện các trường hợp vi phạm của Người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy chế hiện hành.

6. HĐQT có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.

7. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, các Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. HĐQT đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT cũng như biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho Kiểm soát viên cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các Kiểm soát viên tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và các Kiểm soát viên khác.

4. Tổng Giám đốc, Người điều hành khác chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên khác được làm việc, tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất để phục vụ công tác của Ban kiểm soát.

5. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hàng năm, HĐQT, Ban Điều hành trình báo cáo hoạt động tại Đại hội đồng cổ đông thường niên để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

2. Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, kế hoạch được giao, hàng năm, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá và phê duyệt.

3. Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên.

Điều 43. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Việc đánh giá sẽ được thực hiện theo quy định sau: Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Công ty sẽ tổ chức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo phương thức sau:

- a) Tự nhận xét đánh giá.
- b) Cách thức khác do HĐQT/ Tổng Giám đốc lựa chọn vào từng thời điểm.

2. HĐQT sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cá nhân/đơn vị trực thuộc HĐQT.

3. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của những người điều hành khác, phù hợp với quy định nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

Điều 44. Khen thưởng

Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và công ty.

1. Đối với HĐQT: ngân sách khen thưởng thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thực hiện phân bổ nguồn khen thưởng theo kết quả đánh giá như quy định tại Điều 39 Quy chế này.

2. Đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo các quy định nội bộ của công ty hoặc quyết định của HĐQT tại từng thời điểm. Nguồn khen thưởng: được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc quy định của pháp luật.

Điều 45. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan của công ty, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc của công ty.

2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của công ty từng thời kỳ.

CHƯƠNG X: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 46. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty mới thay thế.

Điều 47. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. HĐQT chịu trách nhiệm đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi thấy cần thiết cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này hoặc có những quy định tại Quy chế này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 49. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm XI chương, 49 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ban hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2020 và cũng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa các nội dung quy định tại Điều lệ và Quy chế này, thì các quy định tại Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Trên cơ sở Quy chế này, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành các quy chế nội bộ của công ty phù hợp với thực tế tổ chức và hoạt động của công ty để triển khai thực hiện.

4. HĐQT, Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này.

5. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được ủy quyền.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: 386/2020/TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010);
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (Nghị định số 71/2017/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP (Thông tư số 95/2017/TT-BTC);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái.

Để phù hợp với quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty.

Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty được thể hiện chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Nội dung Điều lệ công ty được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành Điều lệ công ty và thực hiện các thủ tục cần thiết sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để biết);
- Lưu: VT, HCNS.



MAI PHAN CẨM TÚ

NHỮNG NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010);
 - Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (Nghị định số 71/2017/NĐ-CP);
 - Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP (Thông tư số 95/2017/TT-BTC);
- Các điểm khác biệt trọng yếu giữa Điều lệ dự thảo so với Điều lệ hiện hành được tóm tắt trong bảng dưới đây:

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
1	Khoản 1, Điều 2: Tên giao dịch, tên viết tắt của công ty Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI Tên tiếng Anh: VIETTHAI ELECTRIC CABLE CORPORATION Tên giao dịch: VITHAICO Tên viết tắt: VITHAICO Điện thoại: (061) 383 6297 Email: vithaico@vithaico.com.vn Website: www.vithaico.com.vn	Khoản 1, Điều 2: Điều lệ Công ty Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI Tên tiếng Anh: VIETTHAI WIRES AND CABLES JOINT STOCK COMPANY Tên giao dịch: VIETTHAICABLE Tên viết tắt: VIETTHAICABLE Điện thoại: (0251) 383 6158 Email: vietthai@vietthaicable.com.vn Website: vietthaicable.com.vn	Đổi tên giao dịch, tên viết tắt công ty
2	Khoản 1, 2 Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Số lượng người đại diện theo pháp luật là 01 (một) người. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền	Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Số lượng người đại diện theo pháp luật là 02 (Hai) người: Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 2. Quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được quy định tương ứng tại	Điều 13, Luật Doanh nghiệp

<p>và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 29 và 35 của Điều lệ này.</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp, các quyền, nghĩa vụ khác theo Điều lệ, các quy chế nội bộ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
<p>Khoản 2, Điều 20: “Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số</p>	<p>Khoản 2, 3, 4, Điều 20: 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</p> <p>3. Cách thức biểu quyết:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải	<p>Thêm vào, viết lại mục 2, 3, 4, Điều 20 cho phù hợp và rõ ràng hơn với Quy chế làm việc ĐHĐCĐ.</p>

<p>thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp”</p>	<p>được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tân thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tân thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tân thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.</p> <p>4. Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu Đại hội bầu những</p>
--	---

		người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	
3	Khoản 5, Điều 20 “Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.”	“Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Chủ tọa Đại hội là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.”	Tăng quyền chủ động cho Chủ Tọa, mục đích cho Đại hội thành công trong trật tự, ổn định.
4	Khoản 6, Điều 6 “ Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.”	Hủy bỏ	Vi không còn phù hợp
5	Khoản 1, Điều 29 “Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch”	“Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị”	Thay đổi để phù hợp với tình hình thực tế doanh nghiệp (Điều 152 Luật Doanh nghiệp)
6	Khoản 2, Điều 29 “Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc	Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và trách nhiệm sau đây: a. Lập chương trình kế hoạch	Chi tiết thêm quyền & nghĩa vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị (Điều 152, Luật

	<p>hợp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp”.</p>	<p>hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>e. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội cổ đông.</p> <p>f. Đảm bảo việc trao đổi đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>g. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, độc lập hoạt động một cách hiệu quả và thiết lập quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị.</p> <p>h. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p>	Doanh nghiệp)
7	<p>Mục g, khoản 3, Điều 35</p> <p>“Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm”.</p>	<p>“Chậm nhất 30 ngày trước ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm”.</p>	Thay đổi để phù hợp tình hình thực tế Công ty. (Điều 157, Luật Doanh nghiệp)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sốngày 26 tháng 04 năm 2020)

Đồng Nai, tháng 04 năm 2020

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 16. Các đại diện theo ủy quyền.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	26

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty.....	31
VII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	32
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	32
Điều 36. Thư ký Công ty.....	33
VIII. BAN KIỂM SOÁT.....	33
Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	34
Điều 38. Kiểm soát viên.....	34
Điều 39. Ban kiểm soát.....	35
IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	36
Điều 40. Trách nhiệm căn trọng.....	36
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	37
X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	38
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	38
XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	38
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	38
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	39
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	39
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	39
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	39
Điều 47. Năm tài chính.....	40
Điều 48. Chế độ kế toán.....	40
XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	40
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	40
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	41
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	41
Điều 51. Kiểm toán.....	41
XVII. CON DẤU.....	41
Điều 52. Con dấu.....	41
XVI. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	41
Điều 53. Chấm dứt hoạt động.....	41

Điều 54. Thanh lý.....	42
XVII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	42
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	42
XVIII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	43
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	43
XIX. NGÀY HIỆU LỰC.....	43
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	43

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Thái (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với Luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 26 tháng 4 năm 2020.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. *Luật Doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. *Luật chứng khoán* là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;

e. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f. *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

g. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

h. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán

i. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

a) Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI**

b) Tên tiếng Anh: **VIETTHAI WIRES AND CABLES JOINT STOCK COMPANY**

c) Tên giao dịch: **VIETTHAICABLE**

d) Tên viết tắt: **VIETTHAICABLE**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

a) Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai

b) Điện thoại: (0251) 383 6158 - 383 6204

c) Fax: (0251) 383 6297

d) E-mail: viethai@vietthaicable.com.vn

e) Website: www.vietthaicable.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty là hai (02) người, gồm có:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị; và

b. Tổng giám đốc.

2. Quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được quy định tương ứng tại Điều 29 và 35 của Điều lệ này.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp, các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ Công ty.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- a) Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- b) Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- c) Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- d) Đại lý môi giới, đấu giá hàng hóa;
- e) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; đảm bảo các lợi ích hợp pháp cho cổ đông; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành, nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng Việt Nam).

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị tẩy xóa, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh lãi theo tỷ lệ (không quá 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty, bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

k. Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/ bầu cử thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại

diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (5) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị liên quan đến khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Trường hợp biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước (thể hiện ý kiến biểu quyết) của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại

biểu không giờ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần lấy ý kiến biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến của một vấn đề thì được xem là biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giờ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến của một vấn đề thì được xem là biểu quyết không hợp lệ. Với hình thức này, thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông có ý kiến biểu quyết tán thành, không tán thành, không ý kiến và không hợp lệ.

4. Trường hợp biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết, Đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số lượng thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tọa.

5. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

7. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Chủ tọa Đại hội là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các nội dung, sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

9. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

14. Hàng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Trường hợp số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua được thực hiện theo khoản 2 Điều này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông các vấn đề sau đây:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển Công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Phương án bầu cử (nếu có);
 - g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ, số phiếu biểu quyết/ bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản

trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết, quyết định hoặc một phần nội dung nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng

viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn lên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua một cách hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

i. Ban hành các quy chế nội bộ cần thiết khác ở các lĩnh vực: Tài chính, chỉ tiêu nội bộ, mua hàng, bán hàng, tổ chức nhân sự, tiền lương... để quản trị hiệu quả;

j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

l. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

m. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

n. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

q. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các Công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được

công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp

Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

f. Đảm bảo việc trao đổi thông tin giữa các thành viên Hội đồng quản trị được đầy đủ, kịp thời và chính xác;

g. Tạo điều kiện thuận lợi để thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động hiệu quả và thiết lập quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị.

h. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể

từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết để đánh giá kết quả kinh doanh, hoạt động của Ban điều hành, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

d. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

12. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự

nguyên từ bỏ quyền biểu quyết, phân quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 41 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị và người được Chủ tọa mời dự họp HĐQT mở rộng có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ này.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành, quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành, quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến hoặc xem xét kiến nghị của Tổng Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo các quy chế quản lý nội bộ Công ty do HĐQT ban hành;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành, quản lý doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Chậm nhất 30 ngày trước ngày kết thúc năm tài chính, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, giả thành và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

Điều 36. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị. Thư ký công ty có trách nhiệm hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 39. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vi lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những thành viên tại khoản 1 Điều này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý

tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam, Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRÙ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KÊ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài thương mại chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại Việt Nam.

4. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm có XXI Chương 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái nhất trí thông qua ngày 26/4/2020 tại Đồng Nai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 26/4/2020.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI
(Người đại diện theo pháp luật)

Số: 383/2020/TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái;
- Đơn từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT ngày 15/04/2020 của Ông Lương Hữu Vần;
- Đơn từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT 15/04/2020 của Bà Phạm Thị Trúc Linh.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 đối với các thành viên sau:

- Ông **LƯƠNG HỮU VẦN**;
- Bà **PHẠM THỊ TRÚC LINH**.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để biết);
- Lưu: VT, HCNS.



MAI PHAN CẨM TÚ

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Thái

Tôi tên là: **PHẠM THỊ TRÚC LINH**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Thái

Nay tôi làm đơn này Kính mong Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Thái xem xét và giúp đỡ cho tôi được từ nhiệm Ủy viên HĐQT kể từ ngày: *15/04/2020*

Lý do: Vì điều kiện gia đình không thể phục vụ công tác HĐQT Công ty được nữa

Trong khi chờ đợi sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Thái tôi xin tỏ lòng biết ơn chân thành đến Hội đồng quản trị đã giúp đỡ tôi hoàn thành công việc trong thời gian qua.

Kính chúc Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần dây cáp điện Việt được dồi dào sức khỏe và Công ty ngày càng phát triển.

Trân trọng kính chào!

Việt thái, Ngày *15* Tháng *04*.....Năm *2020*

Người làm đơn



Phạm Thị Trúc Linh

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Thái

Tôi tên là: **LƯƠNG HỮU VÂN**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Thái

Nay tôi làm đơn này Kính mong Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Thái xem xét và giúp đỡ cho tôi được từ nhiệm Ủy viên HĐQT kể từ ngày: 15/01/2020

Lý do: Vì điều kiện gia đình không thể phục vụ công tác HĐQT Công ty được nữa

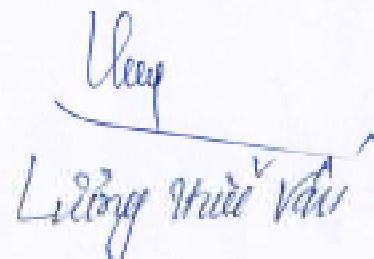
Trong khi chờ đợi sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Thái tôi xin tỏ lòng biết ơn chân thành đến Hội đồng quản trị đã giúp đỡ tôi hoàn thành công việc trong thời gian qua.

Kính chúc Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần dây cáp điện Việt được dồi dào sức khỏe và Công ty ngày càng phát triển.

Trân trọng kính chào!

Việt thái, Ngày 15 Tháng 1 Năm 2020

Người làm đơn



Lương Hữu Vân

Số: 384/2020/TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (Nghị định số 71/2017/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP (Thông tư số 95/2017/TT-BTC);
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Thái;
- Căn cứ hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

Tính đến ngày 22/4/2020, Danh sách ứng viên tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023 bao gồm:

1. Ông NGUYỄN HẢI SƠN;
2. Ông TRẦN VĂN HÙNG.



MAI PHAN CẨM TÚ

Tài liệu đính kèm:

- Chi tiết thông tin ứng viên;
- Hồ sơ đề cử, ứng cử của các ứng viên.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 - 2023

(Áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái

Họ tên cổ đông: Mai Phan Cẩm Tú

CMND số: 321533930 Ngày cấp: 02/02/2016 Nơi cấp: CA Bến Tre

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020): 1.105.240 cổ phần, chiếm tỷ lệ 22.1% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái.

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 10.000 (đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020): 1.105.240 cổ phần, chiếm tỷ lệ 22.1% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái.

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 10.000 (đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái cho tôi đề cử:

1. Ông/Bà: Trần Văn Hùng

CMND số: 362338980 Ngày cấp: 03/04/2008 Nơi cấp: Công an TP. Cần Thơ

Địa chỉ thường trú: Số 8 Đường B23, KDC 91B, P. An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Trình độ học vấn: Cao học Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Hiện đang sở hữu: 107.000 (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 10.000 (đồng)

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/ Thẻ căn cước/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

....., ngày *17* tháng *04*.. năm 2020

Người đề cử

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Mai Phan Cẩm Tú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Của ứng viên vào Hội đồng quản trị Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái)

Họ và tên : Trần Văn Hùng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/11/1976

Nơi sinh: Bến Tre

CMND số: 362338980 cấp ngày 03/04/2008 tại Công an TP. Cần Thơ.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 8 Đường B23, KDC 91B, P. An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Số ĐT liên lạc: 0913.617.657

Trình độ học vấn: Cao học

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

+ Từ 1999 đến 2019 : công tác tại Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ (CASUCO), đã trải nghiệm qua các chức vụ quản lý: Giám đốc Chi nhánh tại Tp. Cần Thơ; Giám đốc Kinh doanh – Marketing; Phó Tổng Giám đốc CASUCO kiêm Chủ tịch HĐQT Cty Du Lịch CASUCOTOUR (Công ty thành viên của CASUCO); Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty CASUCO.

+ Từ 2019 đến nay : Tham gia đầu tư các lĩnh vực ngành Điện, Giáo dục và dịch vụ.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có)

Họ, tên của cổ đông đề cử cho ứng viên: Mai Phan Cẩm Tú (Số cổ phần nắm giữ: 1.105.240 cổ phần, chiếm 22.1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái).

Số CP nắm giữ (tại thời điểm tháng 04/2020) 107.000 cổ phần, chiếm 2.14 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 107.000 cổ phần, chiếm 2.14 % vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

- 1- Mỗi quan hệ: 0, Tên cá nhân/tổ chức: 0 năm giữ: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
- 2- Mỗi quan hệ: 0, Tên cá nhân/tổ chức: 0 năm giữ: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ

Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty (trong trường hợp ứng viên hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty):

.....
.....

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 04, năm 2020

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên



Trần Văn Hùng

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 - 2023

(Áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái

Họ tên cổ đông: Đặng Văn Trường

CMND số: 183681055 Ngày cấp: 08/08/2016 Nơi cấp: CA Hà Tĩnh

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020): 1.043.160 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20.86% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái.

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 10.000 (đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020): 1.043.160 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20.86% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái.

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 10.000 (đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái cho tôi đề cử:

I. Ông/Bà: Nguyễn Hải Sơn

CMND số: 250489369 Ngày cấp: 18/08/2012 Nơi cấp: CA. Lâm Đồng

Địa chỉ thường trú: 11 Cô Giang, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Trình độ học vấn: Đại học Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

Hiện đang sở hữu: 0 (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 0 (đồng)

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/ Thẻ căn cước/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

....., ngày 16, tháng 04, năm 2020

Người đề cử

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)


Đặng Văn Trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(của ứng viên vào Hội đồng quản trị Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái)

Họ và tên : NGUYỄN HẢI SƠN

Họ và tên: Nguyễn Hải Sơn

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/01/1981

Nơi sinh: Lâm Đồng

CMND/CCCD/Hộ chiếu: 250489369, ngày cấp 18/08/2012, nơi cấp: Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 11 Cỏ Giang, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc: 0908866790

Trình độ học vấn: Đại Học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:

+ Từ 05/2005 đến 03/2007: Cost Controller (Kiểm soát chi phí – Kế toán giá thành) - Công ty TNHH Saigon Precision (Nhật Bản)

+ Từ 08/2007 đến 03/2009: Trưởng nhóm Tư vấn đầu tư – Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh.

+ Từ 03/2009 đến 01/2015: Phó giám đốc Bộ phận Tư vấn đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh.

+ Từ 01/2015 đến 04/2020: Phó giám đốc Khối Tư vấn đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh.

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức nhiệm yết: Không có

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó giám đốc Khối Tư vấn đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh

Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có): Không có

Họ, tên của cổ đông đề cử cho ứng viên: Đặng Văn Trường (Số cổ phần nắm giữ: 1.043.160 cổ phần, chiếm 20.86% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái)

Số CP nắm giữ (tại thời điểm) 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

....., ngày 17 tháng 07 năm 2020

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên


Nguyễn Hải Sơn



DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020** **CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái được tổ chức vào lúc 09 giờ 00 ngày 26 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái, địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, Đường số 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai, với tổng số cổ đông có mặt tham dự gồm: ... người, sở hữu và đại diện chocổ phần, chiếm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Nghị quyết của Đại hội với những nội dung chính như sau:

Điều 1. Nhất trí thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nhất trí thông qua báo cáo của Ban kiểm soát.

Điều 3. Nhất trí thông qua báo cáo Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.

Điều 4. Nhất trí thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty với các chỉ tiêu như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2019: Không trả cổ tức năm 2019.
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2020
1	Doanh thu	Tr.đồng	235.00.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.500.000.000
3	Cổ tức	%	0

Điều 5. Thông qua mức thù lao HĐQT, Thư ký HĐQT và Ban kiểm soát, như sau:

CHỨC DANH	MỨC THÙ LAO
Chủ tịch Hội đồng quản trị	15.000.000 đồng/tháng
Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát	5.000.000 đồng/tháng
Trưởng Ban kiểm soát	5.000.000 đồng/tháng

Kiểm soát viên	2.000.000 đồng/tháng
Thư ký Hội đồng quản trị	2.000.000 đồng/tháng

Điều 6. Thông qua Tờ trình việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện công việc kiểm toán cho năm tài chính 2020 theo danh sách dưới đây:

1. Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Nam Việt;
2. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm Toán Phía Nam (AASCS);
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Điều 7. Nhất trí việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược.

Điều 8. Nhất trí việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 9. Nhất trí việc sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái.

Điều 10. Nhất trí miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 đối với:

1. Ông: **LƯƠNG HỮU VẤN;**
2. Bà: **PHẠM THỊ TRÚC LINH.**

Điều 11. Nhất trí thông qua danh sách ứng viên và kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023:

Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023

STT	HỌ VÀ TÊN
1	
2	
3	

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023

STT	HỌ VÀ TÊN	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
1			
2			
3			

Điều 12. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Thái có trách nhiệm tổ chức, thực hiện Nghị quyết này.

CÔNG TY CP DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI
VIET THAI ELECTRIC CABLE CORPORATION

ĐC: KCN Biên Hòa 1, Đường số 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.
A: Bien Hoa 1 Industrial Zone, Road No. 1, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province
T: 0251 3836 204 - **E:** vietthai@vietthaicable.com.vn **W:** vietthaicable.com.vn



CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

MAI PHAN CẨM TÚ



